TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST Ngày 16/11/2018 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mão
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Xuân Nam.
Bà Lê Thị Thu Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thảo N, có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 2, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.
- *Bị đơn:* anh Nguyễn Tuấn V, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2018, bản tự khai ngày 23/8/2018, biên bản hòa giải các ngày: 11/9/2018; 18/9/2018; 04/10/2018 nguyên đơn chị Lê Thị Thảo N trình bày:

Chị và anh V kết hôn vào tháng 11/2017. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Trong khoảng thời gian tháng 01/2018 anh V thường xuyên gây sự và nhiều lần đánh chị nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thị xã Q sống và hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ ngày 10/8/2018 cho đến nay, không quan hệ qua lại với nhau về mặt tình cảm. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng và không thể khắc phục được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2018 và các biên bản hòa giải ngày 11/9/2018; 18/9/2018; 04/10/2018, bị đơn anh Nguyễn Tuấn V trình bày:

Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng anh không cùng quan điểm về làm ăn kinh tế. Anh có đánh chị N nên chị N bỏ nhà ra đi và hai vợ chồng không chung sống với nhau từ ngày 10/8/2018 cho đến nay, không quan hệ qua lại với nhau về mặt tình cảm. Anh đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bằng cách gọi điện thoại cho chị N nhưng chị N không bắt máy nên anh thôi không liên lạc nữa và cũng không tìm gặp chị N để bàn bạc, tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Nhưng anh còn tình cảm với chị N và muốn hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con còn nhỏ nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng anh trở lại đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ngày 31/8/2018, Hội LHPNVN xã H đã xác minh như sau: Vợ chồng chị N, anh V trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn. Ngày 10/8/2018 hai vợ chồng chị N, anh V đã cãi cọ nhau và anh V đã đánh đập chị N. Sau khi bị đánh đập thì chị N bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở thị xã Q sống cho đến nay. Chị N có gửi đơn lên HLHPNVN xã H và phụ nữ xã có mời lên giải quyết, hòa giải nhưng chị N không đồng ý đoàn tụ trở lại với anh V.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị N cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng và không thể khắc phục, hàn gắn được nên chị cương quyết xin ly hôn. Anh V yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương pháp khắc phục mâu thuẫn và không tìm gặp chị N để bàn bạc tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh V có một con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2017, hiện đang sống cùng anh V. Chị N yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh V yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nguyên nhân anh đem cháu Đ về nhà anh là do anh muốn hai vợ chồng đoàn tụ với nhau, anh đem con về nhà anh để chị N phải vì con mà về theo. Anh đã được Tòa án giải thích quy định là con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho người mẹ nuôi dưỡng, nhưng anh vẫn không đồng ý giao con cho vợ anh nuôi. Trường hợp HĐXX quyết định giao con cho chị N nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng như chị N yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh V và xin được nuôi con chung vì con còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

Đại diện VKSND huyện H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 28, 35, 177, 195, 196, 203, 208, 220 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và các quy định khác của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2017 cho chị

N nuôi dưỡng và buộc anh V có nghĩa cấp dưỡng nuôi cháu Đ 1.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc nguyên đơn khởi kiện đã được thực hiện theo đúng các quy định tại các điều 189, 190, 191, 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp tống đạt các văn bản, thông báo, quyết định của Tòa án đã được thực hiện đúng theo các quy định tại điều 170, 177 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện theo đúng quy định tại điều 203 BLTTDS. Việc tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện đúng theo các quy định tại điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tuấn V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 227 BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tuấn V.

[2] Về quan hệ hôn nhân, HĐXX thấy rằng:

Qua xác minh thu thập chứng cứ và qua các bản khai của chị N, anh V thì có việc anh V có hành vi bạo lực gia đình. Anh V đã đánh đập chị N làm cho chị N bỏ nhà ra đi về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 10/8/2018 cho đến nay. Anh V cũng thừa nhận việc anh đánh đập chị N khiến chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở và hai vợ chồng không còn sống chung, không quan hệ qua lại về mặt tình cảm kể từ ngày chị N bỏ đi cho đến nay. Như vậy, đủ căn cứ để khẳng định hành vi bạo lực gia đình của anh V đã làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh V yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương pháp khắc phục mâu thuẫn và không tìm gặp chị N để bàn bạc tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Chứng tỏ anh V thiếu thiện chí trong việc yêu cầu đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung:

Chị N và anh V không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cả hai anh chị đều yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2017. Xét thấy cháu Đ dưới 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ và chị N có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặt khác, ý kiến của anh V trong trường hợp HĐXX quyết định giao con chung cho chị N nuôi thì anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng như chị N yêu cầu.

Căn cứ vào khoản 3 điều 81, điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX quyết định giao cháu Nguyễn Thành Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thành Đ 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị N và anh V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS và điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Lê Thị Thảo N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Tuấn V phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chị Lê Thị Thảo N được ly hôn anh Nguyễn Tuấn V.

2. Về con chung: Áp dụng khoản 3 điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

- Giao cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/10/2017 cho chị Lê Thị Thảo N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tuấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thành Đ 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/tháng) kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu Đ thành niên và có khả năng lao động.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS và điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc:

- Chị Lê Thị Thảo N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2014/0006388 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Trị. *(Chị N đã nộp đủ án phí DSST).*

- Anh Nguyễn Tuấn V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo định kỳ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Thảo N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn V có quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mão